

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HSST
Ngày 20/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Văn Hạnh
2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải

Thư ký Tòa phiên tòa: Bà Nông Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị Thu T**, sinh ngày 05/02/1997, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: không; giới tính: nữ; tôn giáo: không; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Thanh T (đã chết) và bà Lê Thị T; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2017 đến ngày 21/12/2017 được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Buôn Hồ thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn P**, sinh ngày 04/4/1998, tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: không; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 7/12; con ông Nguyễn Văn B và bà Bùi Thị C; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 10/6/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (đã

được xóa án tích). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày ngày 30/11/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Chị Võ Thị Quỳnh N, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

2. Chị Trương Thị Bé H, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1998 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn 3, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Anh Âu Công V, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 61 Đường N; tổ dân phố 4, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1997; trú tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk là bạn gái của Nguyễn Văn P, sinh năm 1998; trú tại tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Hai người thuê phòng trọ tại tổ dân phố T, phường Đ, thị xã B để ở chung với nhau. Khoảng 18 giờ ngày 28/11/2017 Thùy mượn xe mô tô nhãn hiệu Lead biển số 47C1 -10079 của ông Nguyễn Văn B (bố của P) để đi mua bánh phồng tôm về ăn. Khi đi ngang qua trước nhà chị Trương Thị Bé H, sinh năm 1994 trú tại tổ dân phố T, phường Đ, thị xã B thấy cổng và cửa nhà không khóa nên nảy sinh ý định đột nhập vào nhà để trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó T dừng xe bên ngoài lén lút đi vào trong nhà phát hiện chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu iPhone 6s, màu vàng đang cắm sạc pin ở đầu giường nên đi đến rút dây sạc pin ra và lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần rồi đi ra ngoài nổ máy điều khiển xe về phòng trọ. Đến khoảng 08 giờ ngày 29/11/2017, T nói với P về việc mình đã trộm cắp chiếc điện thoại di động iPhone 6s vào tối hôm qua, mặc dù biết đây là tài sản do T trộm cắp mà có nhưng P vẫn nói với T đem đi cầm cố lấy tiền cùng nhau tiêu xài. Đến 11 giờ cùng ngày, P cùng T đón taxi đến tiệm cầm đồ “555” ở số 69 đường N, TDP 4, phường A, thị xã B do chị Hà Thị Ngọc L làm chủ để cầm cố chiếc điện thoại di động iPhone 6s thì bị chị L phát hiện trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Buôn Hồ bắt giữ cùng tang vật.

Quá trình điều tra, T và P còn khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2017 T và P còn thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã Buôn Hồ cụ thể:

Vụ thứ nhất: Trong những lần P đến uống cà phê tại quán Thy Thảo, thuộc tổ dân phố 2, phường Đ, thị xã B, do chị Trần Thị Thu T làm chủ thì P quan sát thấy chị T thường để chiếc điện thoại Sam Sung S7 Edge trên đầu tủ lạnh nên P kể lại và nói T đến quán cà phê để lấy trộm chiếc điện thoại trên. Đến khoảng 18 giờ ngày 18/8/2017, T đi đến quán cà phê của chị T lấy trộm chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Sam Sung S7 Edge mang về nhà cất giấu. Sau đó, P bán chiếc điện thoại trên cho anh Nguyễn Văn P (anh trai P) với giá 6.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng giữa tháng 11 năm 2017, P và T đến thuê phòng trọ ở số 12 đường N, thuộc tổ dân phố T, phường Đ, thị xã B. Khoảng 11 giờ ngày 22/11/2017 P đi ra bật cầu giao bơm nước, khi đi qua trước phòng trọ của chị Võ Thị Quỳnh N phát hiện trên tủ lạnh để chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7 Prime G610 thì P về phòng trọ nói với T sang lấy trộm, sau đó T đi sang phòng của chị N lấy trộm chiếc điện thoại mang về rồi cùng với P đi cầm tại tiệm cầm đồ số 53 do anh Âu Công V sinh năm 1985 trú tại tổ dân phố 4, phường A, thị xã B làm chủ được 2.800.000 đồng. Số tiền bán được 02 chiếc điện thoại trộm cắp trên P và T đã cùng nhau tiêu xài hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 324/HĐĐG ngày 29/11/2017 và 325/HĐĐG ngày 30/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6S, dung lượng 32 GB, màu vàng, loại cảm ứng, số Imei: 353801083176176. Tình trạng của điện thoại hoạt động bình thường, máy đã qua sử dụng có giá là 10.450.000đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung galaxy J7 Prime G610; màu vàng trắng, loại cảm ứng, số Imei: 35886008220632; 0131491000363. Tình trạng của điện thoại hoạt động bình thường, máy đã qua sử dụng có giá là 4.600.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung galaxy S7 Egde, màu xám, loại cảm ứng, số Imei: 357220077069782/01; 357221077069780/01 có giá là 6.500.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản trên là: 21.550.000 đồng.

Vật chứng vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Buôn Hồ thu giữ gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 6S, màu vàng, loại cảm ứng, có số Imei: 353801083176176 dung lượng 32 GB. Hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Buôn Hồ đã trả lại cho chị Trương Thị Bé H là chủ sở hữu nhận sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy S7 Edge màu xám, số Imei 3572200770697824/01, 357221077069780/01. Đã qua sử dụng, tình trạng máy không kiểm tra. Công an thị xã Buôn Hồ đã trả lại cho chị Võ Thị Quỳnh N là chủ sở hữu nhận sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung galaxy J7 Prime G610; màu vàng trắng, loại cảm ứng, số Imei: 35886008220632; 0131491000363 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong. Công an thị xã Buôn Hồ đã trả lại cho chị Trần Thị Thu T là chủ sở hữu nhận sử dụng.

Bản cáo trạng số 10/KSĐT-HS ngày 06/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ truy tố các bị cáo: Nguyễn Thị Thu T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Truy tố Nguyễn Văn P về tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 138 và khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Xét hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo như nội dung Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, h, s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2017 đến ngày 21/12/2017. Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội từ 15 tháng đến 21 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam từ ngày 30/11/2017.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận việc cơ quan điều tra đã giao trả các tài sản gồm: 01 điện hiệu Apple Iphone 6S, màu vàng, loại cảm ứng cho chị Trương Thị Bé H, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy S7 Edge màu xám cho chị Võ Thị Quỳnh N và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung galaxy J7 Prime

G610 màu vàng trắng, loại cảm ứng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong cho chị Trần Thị Thu T là các chủ sở hữu nhận sử dụng. Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 6.000.000 đồng, đây là tiền do các bị cáo bán được chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy S7 Edge cho anh P mà có và anh P không yêu cầu nhận lại số tiền này.

Về phân trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Thị Thu T và đại diện gia đình bị cáo Nguyễn Văn P đã tự nguyện khắc phục bồi thường cho chị Trần Thị Thu T số tiền 4.000.000 đồng và anh Âu Công V số tiền 2.800.000 đồng. Chị T và anh V không có yêu cầu gì thêm về mặt dân sự. Đối với chị Trương Thị Bé H và anh Nguyễn Văn P không yêu cầu bồi thường gì về mặt dân sự.

Các bị cáo không có tranh luận, bào chữa gì và nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu T về tội *“Trộm cắp tài sản”* và truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội *“Trộm cắp tài sản”* và *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”*.

Trong phần nói lời sau cùng, các bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Buôn Hồ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận: Vào ngày 28/11/2017, bị cáo T đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại hiệu Iphone 6S của chị Trương Thị Bé H trị giá 10.450.000 đồng sau đó về nói cho P biết là tài sản do trộm cắp mà có rồi cùng P mang đi tiêu thụ thì bị phát hiện bắt giữ cùng tang vật. Đồng thời, trong quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận vào ngày 18/8/2017 và ngày 22/11/2017 tại phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, các bị cáo đã có hành vi trộm cắp của chị Trần Thị Thu T 01 điện thoại di động hiệu

Sam sung galaxy S7 Edge, trị giá 6.500.000 đồng; trộm cắp của chị Võ Thị Quỳnh N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung galaxy J7 Prime G610, trị giá 4.600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản do bị cáo T trộm cắp là 21.550.000 đồng; bị cáo P trộm cắp là 11.100.000 đồng.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và năng lực điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống, nhưng do ý thức xem thường pháp luật, do động cơ tư lợi cá nhân nên các bị cáo đã có hành vi trộm cắp của các bị hại với tổng giá trị tài sản do bị cáo T trộm cắp là 21.550.000 đồng; bị cáo P trộm cắp là 11.100.000 đồng. Riêng đối với bị cáo P, mặc dù biết rõ chiếc điện thoại hiệu Iphone 6S trên do bị cáo T trộm cắp mà có nhưng vẫn cùng T mang đi tiêu thụ nên bị cáo phải chịu trách nhiệm thêm về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Hành vi trên đây của bị cáo Nguyễn Thị Thu T đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; hành vi của bị cáo Nguyễn Văn P đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 và khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”

[3] Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ, vật chứng đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo không những đã chiếm đoạt trái phép tài sản của bị hại mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được rằng, tài sản hợp

pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc. Nhưng, do ý thức coi thường pháp luật, động cơ tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động nên các bị cáo đã cố tình phạm tội.

Trong vụ án này, các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn. Bị cáo T là người trực tiếp tham gia trộm cắp 03 lần, bị cáo P mặc dù không trực tiếp trộm cắp nhưng bị cáo là người chỉ điểm, xúi giục bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp 02 lần. Do đó, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo T là cao hơn bị cáo P là phù hợp.

Riêng đối với bị cáo P, mặc dù biết rõ chiếc điện thoại Iphone 6S do bị cáo T trộm cắp mà có nhưng vẫn cùng T mang đi tiêu thụ nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự thêm về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Xét việc các bị cáo chỉ trong một thời gian ngắn đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Bị cáo T 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản là 21.550.000 đồng; bị cáo P 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp với tổng giá trị tài sản là 11.100.000 đồng nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng hình phạt quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 là phù hợp.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, các bị cáo bồi thường các bị hại, tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn và đã thu hồi trả lại cho người bị hại, đồng thời tự nguyện khai ra các lần trộm cắp tài sản trước đó nên các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, h, s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 là phù hợp.

[7] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân của các bị cáo, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Tuy nhiên, cần phải cách ly các bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để bị cáo học tập, cải tạo trở thành người công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội, góp phần giáo dục phòng ngừa tội phạm chung và riêng trong toàn xã hội.

[8] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị Thu T và đại diện gia đình bị cáo Nguyễn Văn P đã tự nguyện khắc phục bồi thường cho chị Trần Thị Thu T số tiền 4.000.000 đồng và anh Âu Công V số tiền 2.800.000 đồng. Chị T và anh V không có yêu cầu gì thêm về mặt dân sự. Xét

việc thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo với người bị hại là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Riêng chị Trương Thị Bé H và anh Nguyễn Văn P không yêu cầu bồi thường gì về mặt dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[9] Về xử lý vật chứng:

[9.1] Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 6S, màu vàng, loại cảm ứng, có số Imei: 353801083176176 dung lượng 32 GB, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy S7 Edge màu xám, số Imei 3572200770697824/01, 357221077069780/01. Đã qua sử dụng, tình trạng máy không kiểm tra, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung galaxy J7 Prime G610; màu vàng trắng, loại cảm ứng, số Imei: 35886008220632; 0131491000363 đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Buôn Hồ đã ra quyết định xử lý vật chứng giao trả cho chị Trương Thị Bé H, chị Võ Thị Quỳnh N và chị Trần Thị Thu T là những chủ sở hữu nhận sử dụng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9.2] Đối với số tiền 6.000.000 đồng mà các bị cáo có được từ việc bán chiếc điện thoại Sam Sung S7 Edge cho anh Nguyễn Văn P, do anh P không yêu cầu nhận lại số tiền này nên cần truy thu sung công quỹ nhà nước. Buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền 6.000.000 đồng (bị cáo T 3.000.000 đồng, bị cáo P 3.000.000 đồng) để sung công quỹ nhà nước là phù hợp.

[10] Về hành vi của anh Nguyễn Văn P khi mua chiếc điện thoại di động hiệu Sam sung galaxy S7 Egde và anh Âu Công V khi cầm cố chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung galaxy J7 Prime G610 nhưng không biết đây là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Buôn Hồ không xử lý trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm b, h, s, r khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thu T** 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2017 đến ngày 21/12/2017.

Áp dụng: khoản 1 Điều 138, Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn P** 11 (mười một) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn P** 07 (bảy) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 30/11/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Thị Thu T và đại diện gia đình bị cáo Nguyễn Văn P đã tự nguyện khắc phục bồi thường cho chị Trần Thị Thu T số tiền 4.000.000 đồng và anh Âu Công V số tiền 2.800.000 đồng. Chị T và anh V không có yêu cầu gì thêm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Buôn Hồ đã trả lại các tài sản gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 6S, màu vàng, loại cảm ứng cho chị Trương Thị Bé H, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy S7 Edge màu xám cho chị Võ Thị Quỳnh N, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung galaxy J7 Prime G610 màu vàng trắng, loại cảm ứng cho chị Trần Thị Thu T là các chủ sở hữu nhận sử dụng.

Truy thu sung công quỹ số tiền 6.000.000 đồng. Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Thu T và Nguyễn Văn P phải nộp lại số tiền 6.000.000 đồng (bị cáo T 3.000.000 đồng, bị cáo P 3.000.000 đồng) để sung công quỹ nhà nước.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Nguyễn Thị Thu T và Nguyễn Văn P, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Công an thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã Buôn Hồ;
- Các bị cáo; đương sự liên quan;
- Lưu HSVA, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Duy Đức